

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN TÔN GIÁO - MỘT TRONG ĐỘT PHÁ KHẨU NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

Dẫn nhập

Viện Nghiên cứu Tôn giáo ra đời nhằm thực hiện một trọng trách vô cùng quan trọng, đó là nghiên cứu, giải đáp những vấn đề lý luận về tôn giáo. So với thế giới, nhiều vấn đề lý luận tôn giáo đã được đặt ra và có những thành tựu đáng kể, nhưng với Việt Nam, lý luận về tôn giáo là một vấn đề còn hết sức mới mẻ. Việc nghiên cứu lý luận về tôn giáo về phương diện khách quan “được thực hiện trong hoàn cảnh thế giới đang bắt đầu bước sang thời kỳ hậu công nghiệp, hay thời kỳ của công nghệ tin học và công nghệ sinh học, còn đất nước đang chuyển mình từ một xã hội 80% còn là nông nghiệp, lại mới ra khỏi 30 năm chiến tranh, sang một xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tinh thần đổi mới; đời sống tôn giáo đang diễn ra dưới một dạng ngày càng khác hẳn với nhận thức “truyền thống” trước đây”¹. Về phương diện chủ quan, Viện Nghiên cứu Tôn giáo mới thành lập, đội ngũ nghiên cứu về tôn giáo nói chung, nghiên cứu về lý luận tôn giáo nói riêng còn rất mỏng, hầu hết là nghiên cứu “tay ngang”, bởi không một ai được đào tạo về tôn giáo học. Song với tinh thần cố gắng vượt bậc, cũng như cách nhìn biện chứng ngay từ buổi đầu còn là Ban Nghiên cứu Khoa học về tôn giáo, rồi Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về tôn giáo và cuối cùng là Viện Nghiên cứu Tôn giáo luôn coi nghiên cứu lý luận về tôn giáo không chỉ là vấn đề trọng tâm, mà thậm chí còn là vấn đề sống còn của một viện đầu ngành, ngành tôn giáo học.

Lý luận về tôn giáo là một vấn đề rộng lớn, do điều kiện khách quan và chủ quan, do điều kiện thực tế đặt ra, ngay từ ngày đầu thành lập, Viện chọn *chủ đề/khái niệm thế nào là tôn giáo* để nghiên cứu. Để trả lời câu hỏi này, công việc đầu tiên chính là nghiên cứu quan điểm các nhà kinh điển về tôn giáo; tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản

* PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Việt Nam về tôn giáo và cuối cùng là quan điểm của một số học giả ngoài Mácxít về tôn giáo. Tuy nhiên, bài viết này chỉ trình bày những nghiên cứu vấn đề tôn giáo qua các tác phẩm của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin và Hồ Chí Minh của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trong thời gian 25 năm qua.

1. Nghiên cứu vấn đề tôn giáo qua các tác phẩm của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin

Sở dĩ đây là vấn đề nghiên cứu được đặt ra đầu tiên, bởi chủ nghĩa Mác - Lênin đặt nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho chúng ta nhận thức và xử lý các vấn đề tôn giáo một cách khoa học. Thêm nữa, sau khi Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa tan rã, vào thời điểm bấy giờ đã xuất hiện một trào lưu cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin với hệ tư tưởng của nó trong đó có tư tưởng về tôn giáo đã tỏ ra lỗi thời, không còn giá trị. Vì vậy, nghiên cứu vấn đề tôn giáo qua các tác phẩm của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin vừa có giá trị khoa học vừa có giá trị thực tiễn. Tháng 6/1993, nghĩa là chỉ hơn một năm sau khi Ban Nghiên cứu Khoa học về tôn giáo được thành lập, một cuộc hội thảo khoa học được tổ chức. Một trong những nội dung mà cuộc hội thảo đề cập đến là những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo trong đó có mệnh đề “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”. Tại cuộc Hội thảo, các nhà nghiên cứu đều cho rằng “thuốc phiện được K. Marx sử dụng là thuốc giảm đau. Đó chính là K. Marx đề cập đến vai trò của tôn giáo xoa dịu nỗi đau trần thế của tín đồ”. Trong cuộc hội thảo này, GS. Phạm Như Cương có bài viết: *Mác, Ăngghen, Lênin về vấn đề tôn giáo. Đôi điều thu hoạch và suy nghĩ*. (Bài viết này được in trong cuốn: *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*, do Nxb. Khoa học xã hội in năm 1994)

Trong khuôn khổ thực hiện đề tài cấp Nhà nước: *Điều tra cơ bản tình hình tôn giáo và tín ngưỡng* (1996-1999), Viện Nghiên cứu Tôn giáo mở cuộc hội thảo khoa học *Về những vấn đề tôn giáo Nam Bộ* tại Thành phố Hồ Chí Minh cuối năm 1998. Trong cuộc hội thảo này, nhà nghiên cứu, nhà cách mạng lão thành Trần Bạch Đằng qua bài viết *Vấn đề tôn giáo - Tư tưởng và chính sách xã hội* trở lại luận điểm của K. Marx: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”. Theo tác giả, thế lực chống cộng sản xuyên tạc ý nghĩa của câu nói để vu cáo cộng sản muốn tiêu diệt tôn giáo như tẻ nạn ma túy. Một số người khác hiểu câu này theo nghĩa đen, cho rằng tôn giáo đơn thuần là sự mê hoặc, ru ngủ nhân dân cam chịu cảnh áp bức, bóc lột, thủ tiêu đấu tranh, do đó không hề có nhân tố tích cực nào cả. Lại

có ý kiến cho rằng câu của K. Marx chỉ đúng trong trường hợp các tôn giáo hướng niềm tin tôn giáo phục vụ lợi ích giai cấp bóc lột thống trị, chứ không đúng trong mọi hoàn cảnh lịch sử. Bởi trong thực tế, rất nhiều tín đồ tôn giáo vừa hành đạo, vừa tích cực tham gia cách mạng chống áp bức, bóc lột.

Trước hết, cần hiểu tôn giáo mà K. Marx đề cập theo đúng nghĩa của nó chứ không phải theo nghĩa của các loại tổ chức lừa bịp đội lốt tôn giáo lập ra để phá xã hội. Câu nói ẩn dụ này nằm trong đoạn văn của K. Marx trình bày ý kiến về tác động của tôn giáo đối mặt với những điều kiện lịch sử đã sản sinh ra nó.

Theo ý K. Marx, trong một xã hội mà quần chúng bị áp bức, trong một thế giới không có trái tim, không có tinh thần, thì tôn giáo là tiếng thở dài, là trái tim, là tinh thần xã hội của thế giới đó. Tôn giáo vừa là biểu hiện, vừa là sự phản kháng chống lại sự khốn cùng của xã hội.

Hiểu theo ý đó, tôn giáo vừa là sản phẩm tinh thần, vừa là giải pháp tình thế cứu khổ, là niềm an ủi nào đó trong một thế giới đau khổ chưa tìm được lối ra. Niềm tin tôn giáo có tác dụng như một loại thuốc an thần đối với một cơ thể đang bị bệnh hiểm nghèo chưa tìm được phương thuốc cứu chữa. “Thuốc phiện”, hiểu theo nghĩa ẩn dụ, chủ yếu là khía cạnh tạo một sự cân đối nào đó về tinh thần để không rơi vào bế tắc².

Vấn đề tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân một thời gian sau được Nguyễn Đức Sự tiếp tục bàn đến “câu nói nổi tiếng của K. Marx: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” phát biểu vào năm 1843 không tách rời cuộc đấu tranh giai cấp và sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đức vào thời điểm ấy, khi mà nhân dân lao động” đòi lật đổ tất cả những quan hệ trong đó con người là một sinh vật bị làm nhục, bị nô dịch, bắt lức và bị khinh rẻ”. Câu nói đó khẳng định vai trò xã hội của tôn giáo, trong một tình huống nhất định của nước Đức vào thập niên 40 của thế kỷ XIX. Tình huống đó có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào cuộc đấu tranh giai cấp còn gay gắt và ở đó tôn giáo trở thành công cụ áp bức tinh thần của một bộ máy nhà nước phản động đã đến lúc phải lật đổ. Còn trong những tình huống khác nhau của xã hội loài người thì vai trò của tôn giáo không nhất thiết lúc nào cũng là thuốc phiện với tinh thần ru ngủ của thuốc phiện. Vì theo K. Marx, thuốc phiện còn có lúc có vai trò thức tỉnh quần chúng. Và tôn giáo không chỉ là thuốc phiện mà còn là trái tim của thế giới không có trái tim, là tinh thần của một trật tự không có tinh thần. Và lại, nếu chúng ta

xem xét vai trò xã hội của tôn giáo trong một xã hội không giai cấp, nhất là trong một nước xã hội chủ nghĩa hiện đại đã xóa bỏ giai cấp thì luận điểm tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân không còn thích hợp nữa”³.

Vậy là mệnh đề “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” được Nguyễn Đức Sự mở rộng và không chỉ đặt nó trong xã hội hiện tại mà còn là với xã hội tương lai. Quan điểm mà Nguyễn Đức Sự cho rằng trong tương lai luận điểm tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân không còn thích hợp nữa có thể còn là sự tranh luận nhưng luận đề mà tác giả dựa vào để khẳng định không phải là không có lý.

Năm 1997, Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì cuộc trao đổi về *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*⁴. Trong cuộc tọa đàm trao đổi này, GS. Phạm Như Cương có bài viết: *Bàn về thái độ và phương pháp khi nghiên cứu các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh về tôn giáo*. Trong bài viết của mình, Phạm Như Cương nêu những tiền đề chính trị, xã hội đương thời mà K. Marx dựa vào đó để đưa ra những luận điểm về tôn giáo. Đáng chú ý là một số tác phẩm của Hegel, của Feuerbach về tôn giáo được Phạm Như Cương chỉ ra: “Sự phê phán tôn giáo của họ không triệt để, không chỉ ra được bản chất của tôn giáo, do đó không chỉ ra được con đường đúng đắn để khắc phục tôn giáo, giải phóng con người, K. Marx, F. Engels vượt qua những hạn chế của họ. Từ đó, K. Marx, F. Engels cùng một lúc làm hai việc: tiếp tục phê phán tôn giáo nhất là thần học Cơ Đốc giáo; hình thành những quan điểm duy vật lịch sử. Theo Phạm Như Cương: “Cần chú ý là những vấn đề tôn giáo không chỉ được đề cập trong những tác phẩm của hai ông vào những năm 50 của thế kỷ XIX, mà gần như suốt cả trong quá trình sáng tạo lý luận tiếp sau đó, nhất là F. Engels”.

Có thể tóm tắt đóng góp của K. Marx, F. Engels như sau:

(1) Chỉ ra nguồn gốc xuất hiện của tôn giáo, từ đó vạch rõ bản chất của tôn giáo và quá trình tiêu vong của tôn giáo. Lần đầu tiên việc nghiên cứu tôn giáo được đặt trên cơ sở vững chắc của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhờ đó mà trở thành một việc nghiên cứu thực sự có tính chất khoa học.

(2) Vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử để nghiên cứu một số vấn đề của lịch sử tôn giáo, chủ yếu là Kitô giáo, ở một số nước Châu Âu.

(3) Cung cấp cho giai cấp vô sản và chính đảng của nó một sách lược, phương pháp đúng đắn trong chính sách đối với tôn giáo.

(4) Dự báo về tương lai của tôn giáo sau khi chủ nghĩa xã hội được thiết lập⁵.

Trong bài *Bàn về tôn giáo*, Đặng Nghiêm Vạn đi sâu hơn khi chỉ ra quan điểm về nguồn gốc và bản chất của tôn giáo của K. Marx, F. Engels. Trên cơ sở đề cập đến cuốn sách nổi tiếng *Bản chất đạo Kitô* (1841) của L. Feuerbach khi nói đến việc con người sáng tạo ra tôn giáo: “Tôn giáo là sự khám phá trang trọng nhất những của cải cất giấu trong Con Người, là sự thừa nhận những tư tưởng thân thiết nhất của Con Người, là sự thừa nhận công khai nhất những tình cảm bí mật nhất của Con Người”, Đặng Nghiêm Vạn cho rằng K. Marx đồng tình với quan điểm trên, nhưng cho rằng L. Feuerbach chỉ nói Con Người, chứ không đề cập đến “Con Người lịch sử thực sự”, chưa thấy được “tinh thần tôn giáo” bản thân nó là sản phẩm xã hội và cái cá nhân trừu tượng mà ông phân tích, trên thực tế, bao giờ cũng thuộc về một hình thái xã hội nhất định. Nên K. Marx đã nhấn mạnh: “Con Người không phải là một tồn tại trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con Người chính là thế giới những con người, là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy đã sản sinh ra tôn giáo”⁶.

PGS. Nguyễn Đức Sự trong cuốn sách: *K. Marx - F. Engels về vấn đề tôn giáo*, đưa ra nhận xét: Giữa thập niên 40 của thế kỷ XIX với *Lời nói đầu* cuốn *Góp phần phê phán triết học pháp quyền Hegel* của K. Marx và đặc biệt trong chống Duhring vào cuối thập niên 1870, F. Engels đã nêu một cách khái quát quan điểm về nguồn gốc bản chất tôn giáo. F. Engels viết: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”⁷.

“Các nhà nghiên cứu Mác-xít về tôn giáo thường coi câu nói trên đây của F. Engels là định nghĩa của chủ nghĩa Mác về tôn giáo”⁸.

Vấn đề này, Đỗ Quang Hưng trong cuốn *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn* cho rằng, K. Marx và F. Engels đã nhiều lần phải bàn về mệnh đề “tôn giáo là gì”. Nhưng chung cuộc cái gì là bản chất, là định nghĩa tôn giáo thì không thể xác định. Theo Đỗ Quang Hưng, có thể “phân loại” lối tiếp nhận luận điểm của K. Marx, F. Engels thành ba loại:

Loại thứ nhất, lấy thể nghiệm cá nhân của chủ thể tín ngưỡng làm tiền đề tiên quyết cho bản chất và định nghĩa tôn giáo. Tiêu biểu cho cách

nhìn này là dựa vào câu nói của K. Marx: “Tôn giáo là sự tự ý thức và sự tự tri giác của người chưa tìm thấy bản thân mình hoặc đã đánh mất mình một lần nữa”⁹.

Loại thứ hai, lấy chức năng xã hội của tôn giáo làm hạt nhân định nghĩa và khẳng định bản chất của tôn giáo. Tiêu biểu là việc trung dẫn câu của K. Marx: “Con người, chính là thế giới những con người, tức là thế giới quan lộn ngược, chính vì bản thân chúng là thế giới quan lộn ngược. Tôn giáo là lý luận phổ biến của thế giới ấy...”. Và đặc biệt câu nổi tiếp, “Sự nghèo nàn của tôn giáo, vừa là biểu hiện của sự khốn cùng hiện thực, vừa là sự phản kháng chống lại sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”¹⁰.

Loại thứ ba, từ góc độ “bản thể luận” của tôn giáo mà định nghĩa. Khái niệm tôn giáo ở Châu Âu từ xa xưa đã gắn với quan niệm thần học của Toma Aquinus về sự *gắn liền*, nối kết (religare, gốc từ Latinh) con người với đấng thiêng liêng. Theo đó, cho đến nay dù có hơn 150 định nghĩa về tôn giáo, nhưng nhìn chung người ta vẫn cho rằng tôn giáo là tương quan giữa con người với cái thiêng (sacred) với quyền năng (power), đấng siêu việt (transcendent), cái tuyệt đối (absolute), thực tại tối cao (supreme reality)...

V. I. Lênin - người biến học thuyết của K. Marx, F. Engels thành hiện thực với thành công của cuộc Cách mạng tháng Mười (1917) và xây dựng nhà nước Nga Xô Viết. Quan điểm của V. I. Lênin về tôn giáo theo Phạm Như Cương chủ yếu được V. I. Lênin nhìn nhận từ Chính Thống giáo, một tôn giáo giữ vị trí quốc giáo trong chế độ chuyên chế Nga hoàng, là công cụ tinh thần để nô dịch, kìm kẹp, răn bảo người dân cam phận với cuộc sống tột đời. Do đó, cuộc đấu tranh chống tôn giáo về mặt ý thức hệ và về mặt chính trị, thái độ của Đảng Mácxít đối với tôn giáo thường xuyên giữ một vị trí quan trọng trong các bài viết, các tác phẩm của V. I. Lênin về các vấn đề triết học, cương lĩnh, chiến lược và sách lược của Đảng.

Các bản tóm tắt, các đoạn trích, các ghi chú của V. I. Lênin được tập hợp lại và in trong cuốn *Bút ký triết học* (V. I. Lênin Toàn tập, tập 29) cho phép giả định rằng V. I. Lênin có dự định về một tác phẩm riêng về phép biện chứng. Trong những bút ký này có chứa đựng nhiều tư tưởng

sâu sắc về vấn đề tôn giáo, xét từ góc độ mối quan hệ giữa tôn giáo với chủ nghĩa duy tâm.

Từ *Bút ký triết học* và các bài viết khác của V. I. Lênin có liên quan đến vấn đề tôn giáo có thể chỉ ra những đóng góp chủ yếu của ông là:

(1) Sự phân tích sâu sắc về nguồn gốc xã hội và nguồn gốc nhận thức của tôn giáo. Xem xét nguồn gốc về mặt nhận thức của tôn giáo, V. I. Lênin chỉ ra rằng khả năng xuất hiện của chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo nằm trong phép biện chứng của quá trình nhận thức: nhận thức phát triển theo đường xoáy ốc, con đường ngoằn ngoèo, nên bất cứ một sự đơn giản, phiến diện, xơ cứng thẳng tuột nào cũng có chủ nghĩa duy tâm.

(2) Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh thỏa hiệp cũng đã nhiễm sâu vào phong trào công nhân cả bằng con đường tôn giáo. Trong điều kiện của nước Nga sau thất bại của Cách mạng 1905, V. I. Lênin đã đấu tranh chống thuyết “tạo thần” và “tìm thần” đang lây lan trong một số trí thức Bolshevik. V. I. Lênin cũng chỉ ra sai lầm, sự dao động của văn hào Tolstoi trong *Chủ nghĩa Tolstoi với tư cách là một tôn giáo mới*.

(3) Những ý kiến chỉ đạo sâu sắc về việc tuyên truyền chủ nghĩa vô thần trong quần chúng, về sự hiện sinh giữa chủ nghĩa vô thần khoa học và chủ nghĩa duy vật chiến đấu.

(4) Những ý kiến về thái độ của Đảng đối với tôn giáo, thái độ, sách lược của Đảng đối với các tín đồ và chức sắc tôn giáo trong đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản¹¹.

Nguyễn Đức Sự tiến hành tuyển chọn và biên soạn *Mác, Ăngghen, Lênin bàn về tôn giáo*, khi in thành sách có bài viết: *Mác - Ăngghen - Lênin và vấn đề tôn giáo*, ngoài những luận bàn tư tưởng K. Marx, F. Engels về tôn giáo mà bài viết đề cập ở phần trên, Nguyễn Đức Sự còn bàn đến tư tưởng V. I. Lênin về tôn giáo. Theo tác giả, V. I. Lênin không những làm sáng tỏ hơn nữa nguồn gốc xã hội của tôn giáo vốn đã được K. Marx và F. Engels đề cập tới, mà còn nói đến nguồn gốc nhận thức luận của tôn giáo. Ông đã chỉ cho chúng ta thấy rõ, khả năng xuất hiện tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm nằm ngay trong phép biện chứng của quá trình nhận thức. Do quán triệt quan điểm cách mạng của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin thường nhấn mạnh: “Phải gắn liền cuộc đấu tranh chống tôn giáo với thực tiễn cụ thể của phong trào giai cấp nhằm tiêu diệt nguồn gốc xã hội của tôn giáo”¹².

Ở một đoạn khác, Nguyễn Đức Sự nhận định: “Đối với V. I. Lênin, chân lý bao giờ cũng có tính cụ thể ngay cả khi xem xét vấn đề tôn giáo V. I. Lênin viết: “Nhưng bất luận thế nào chúng ta không được vì thế mà đi đến chỗ đặt vấn đề tôn giáo một cách trừu tượng duy tâm chủ nghĩa “xuất phát từ lý tính” ở bên ngoài cuộc đấu tranh giai cấp”¹³. Mà cuộc đấu tranh giai cấp ở nước Nga vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX là hết sức gay gắt trong đó đạo Kitô¹⁴ đã thực sự trở thành công cụ thống trị của Sa Hoàng đối với quần chúng nhân dân. Đề cập đến vấn đề tôn giáo, V. I. Lênin bao giờ cũng gắn với tinh thần cụ thể của cuộc đấu tranh giai cấp ở Nga và ở Châu Âu lúc đó. Khi viết bài “Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo”, V. I. Lênin đã đặt vấn đề tôn giáo mà mình phát biểu trong một tình huống xã hội cụ thể, đó là “xã hội hiện đại hoàn toàn xây dựng dựa trên sự bóc lột của một thiểu số không đáng kể dân cư thuộc giai cấp địa chủ và tư sản đối với quảng đại quần chúng giai cấp công nhân” và ở đó “tôn giáo là một trong những hình thức áp bức về tinh thần luôn luôn và bất cứ ở đâu cũng đè nặng lên quần chúng nhân dân khốn khổ”¹⁵. V. I. Lênin thường nói đến vai trò tiêu cực của tôn giáo và của giáo hội cũng trong một tình huống cụ thể, đó là tình hình tôn giáo và giáo hội đang bị các thế lực tư sản phản động lợi dụng để bảo vệ chế độ bóc lột và đầu độc quần chúng bị áp bức”¹⁶.

Hình như không hài lòng với bài viết: *Bàn về thái độ và phương pháp nghiên cứu của tác phẩm của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin và Hồ Chí Minh về tôn giáo* đã trình bày trong cuộc trao đổi về *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, về sau được in thành sách: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, GS. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) đã được bài viết đề cập ở phần trên, Phạm Như Cương trong hội thảo *Về những vấn đề tôn giáo Nam Bộ* của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh cuối năm 1998 lại có bài viết: *C. Mác, F. Engels, V. I. Lênin, Hồ Chí Minh về tôn giáo - Một số vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận và quan điểm*. Khi đề cập đến V. I. Lênin và vấn đề tôn giáo, tác giả làm rõ hơn tại sao V. I. Lênin luôn gắn vấn đề tôn giáo với đấu tranh giai cấp. Tác giả viết: “Ở nước Nga, đạo Chính thống - hệ phái phương Đông của đạo Cơ Đốc, giữ vị trí là quốc giáo độc tôn. Giáo hội tựa như là một bộ phận hữu cơ của bộ máy nhà nước, Nga Hoàng tựa như là người đứng đầu Giáo hội. Thế quyền và thần quyền câu kết với nhau hết sức chặt chẽ để kìm kẹp nhân dân trong cuộc sống vật chất khổ cực và cuộc sống tinh thần mê muội.

Trong điều kiện đó, cuộc đấu tranh chống giáo hội tất yếu là một bộ phận của cuộc cách mạng giành tự do, dân chủ cho nhân dân”¹⁷.

Những gì mà Phạm Như Cương luận bàn ở trên giúp cho người đọc về phương pháp luận khi trình bày tư tưởng của V. I. Lênin về tôn giáo đặc biệt là tư tưởng gắn vấn đề tôn giáo với đấu tranh giai cấp ở nước Nga phải đặt trong những tình huống hết sức cụ thể. Chỉ có như vậy mới có được cái nhìn biện chứng, tránh sự nhấn mạnh hoặc vô tình hay hữu ý hiểu sai tư tưởng trên của V. I. Lênin.

Ngoài ra trong bài viết, Phạm Như Cương một lần nữa khẳng định một mặt V. I. Lênin thừa hưởng được di sản Mác-xít về vấn đề tôn giáo do K. Marx và F. Engels để lại nhưng đồng thời V. I. Lênin cũng có nhiều đóng góp riêng của mình. Tác giả lần lượt khẳng định những đóng góp của V. I. Lênin mà trong báo cáo khoa học *Bàn về thái độ và phương pháp khi nghiên cứu các tác phẩm của C. Mác, F. Engels, V. I. Lênin, Hồ Chí Minh về tôn giáo* (đã đề cập ở phần trên) chỉ ra, như: Góp phần phân tích sâu thêm về nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội của tôn giáo; Sự kết hợp giữa nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội tạo thành sức mạnh của tôn giáo nhưng nguồn gốc về mặt xã hội thường đóng vai trò chủ đạo, chi phối. Đáng ghi nhận là trong bài viết này tác giả đề cập thêm một số quan điểm của V. I. Lênin về quyền tự do tín ngưỡng, thay đổi tín ngưỡng, về việc tách nhà thờ ra khỏi nhà nước và tách trường học ra khỏi nhà thờ, chống lại các thành kiến tôn giáo, không được làm tổn thương đến tình cảm tôn giáo của quần chúng¹⁸.

Đỗ Quang Hưng tiếp cận quan điểm của V. I. Lênin về tôn giáo ở một khía cạnh khác. Đó là việc “V. I. Lênin và Đảng Cộng sản Liên Xô đã làm được rất nhiều việc trong vấn đề xây dựng đường lối chính sách tôn giáo của Đảng Mác-xít, nhất là các Đảng đã cầm quyền”. Theo tác giả, đóng góp trên lĩnh vực này “ít nhất cũng là sự phân định về lý thuyết”. Bao gồm:

(1) *Tôn giáo hoàn toàn đối lập hoặc không thể đồng hành với chủ nghĩa cộng sản*. Sau khi trình bày nội dung của luận đề, tác giả bình luận: “Như vậy, quan điểm này là một nguyên tắc tư tưởng, nhận thức luận Mác-xít. Song, từ đây có những người Mác-xít lại chỉ thấy mặt mâu thuẫn xã hội đối kháng giữa chủ nghĩa xã hội và tôn giáo không thừa nhận bất cứ mẫu số chung nào giữa hai ý thức hệ ấy nên khiến cho vấn đề đã bị đẩy sang phía tả khuynh.

(2) *Cuộc đấu tranh với tôn giáo phải đặt khuôn khổ của cuộc đấu tranh cách mạng của giai vô sản.* Để làm sáng tỏ nhận định trên Đỗ Quang Hưng lấy dẫn chứng từ hai tác phẩm của V. I. Lênin: (i) *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo* (1905); (ii) *Về thái độ của Đảng công nhân đối với tôn giáo* (1909). Ở tác phẩm thứ hai khi đưa ra luận đề “chúng ta phải đấu tranh chống tôn giáo” nhưng V. I. Lênin yêu cầu phải *biết cách* đấu tranh. Tác giả Đỗ Quang Hưng bình luận: “Như vậy phải *biết cách* đấu tranh với tôn giáo mới là điều quan trọng. Cũng trong tác phẩm nói trên, V. I. Lênin nhắc lại việc ngăn chặn lối “đấu tranh chống tôn giáo một cách trù tượng”, phải căn cứ vào *thực tế* của cuộc đấu tranh và chú ý “công tác giáo dục quần chúng nhiều hơn hết”.

Tiếp rằng điều này, ngay ở Liên Xô - quê hương của Cách mạng tháng Mười vĩ đại - cũng đã không hẳn thực hiện được”.

(3) *Chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng.* Về điểm này, Đỗ Quang Hưng chỉ ra: Với V. I. Lênin, quyền tự do tôn giáo phải đặt trên các cơ sở sau:

(i) Tự do tôn giáo phải trên nền tảng của nhà nước được thể tục hóa (dĩ nhiên theo quan điểm Mácxít).

(ii) Tự do tôn giáo phải trên cơ sở bình đẳng các dân tộc, các tôn giáo.

(iii) Tự do tôn giáo phải thực sự là việc riêng tư: quyền lựa chọn tôn giáo; quyền đổi đạo; quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng, thực hành tôn giáo và bày tỏ đức tin...

(iv) Tự do tôn giáo phải đi liền quyền “được làm người vô thần”; chống khủng bố, xung đột vì lý do tôn giáo; bảo đảm quyền công dân và an ninh quốc gia, chủ quyền dân tộc.

(4) *Các đảng Mácxít phải quan tâm vận động, đoàn kết quần chúng tín đồ các tôn giáo.* Theo Đỗ Quang Hưng, có lẽ phải đến V. I. Lênin mới có một quan điểm căn bản có tính nguyên tắc trong công tác tôn giáo của Đảng Mácxít: “Đấu tranh chống lại các thành kiến tôn giáo thì phải cực kỳ thận trọng; trong cuộc chiến đấu này, ai làm thương tổn đến tình cảm tôn giáo, người đó sẽ gây thiệt hại lớn. Cần phải đấu tranh bằng tuyên truyền, bằng giáo dục. Nếu hành động thô bạo, chúng ta sẽ làm cho quần chúng tức giận; hành động như vậy sẽ càng gây thêm chia rẽ trong quần chúng về vấn đề tôn giáo, mà sức mạnh của ta là ở sự đoàn kết...”

(5) *Lý luận và thái độ của chủ nghĩa vô thần.* Đỗ Quang Hưng cho rằng, chỉ đến V. I. Lênin, vấn đề chủ nghĩa vô thần được đề cập ở góc độ

thái độ của nhà nước công nông với giáo hội, thời K. Marx và F. Engels có bàn đến *hữu thần và vô thần duy tâm* hay *duy vật*, chủ yếu vẫn đề trên góc độ triết học, triết lý. Từ năm 1905 trong *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo*, V. I. Lênin đã nói đến “Công tác tuyên truyền chủ nghĩa vô thần”. Năm 1922, chính V. I. Lênin đưa ra khái niệm “chủ nghĩa vô thần chiến đấu” trong một bài báo cáo cùng tên. Trong bài viết, ý của V. I. Lênin là: các cơ quan thông tin, ngôn luận của Đảng dưới chế độ Xô Viết phải coi đây là một trong những nguyên tắc tư tưởng của công tác tuyên truyền. V. I. Lênin còn phê bình luồng tư tưởng cực đoan phủ định cả sách báo vô thần thế kỷ XVIII ở Tây Âu... Về vấn đề này tác giả bình luận: “Nhưng vấn đề đáng lưu ý là khi đã qua “bước ngoặt tả khuynh”, khẩu hiệu “chủ nghĩa vô thần chiến đấu” trở nên thiên tả được thực hiện ráo riết trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, kể cả ghi vào Hiến pháp Xô Viết...”

(6) *Xử lý đúng đắn vấn đề tôn giáo, tránh các tả khuynh hướng tả khuynh và hữu khuynh*. Nghiên cứu của Đỗ Quang Hưng cho thấy, với tư tưởng hữu khuynh về tôn giáo, V. I. Lênin tiếp tục khai khác ý tưởng của K. Marx và F. Engels về vấn đề này. Chẳng hạn, Người vận dụng ý của F. Engels trong *Chống Duyrinh (Anti-Dühring)*: “Chúng ta hãy nhớ lại rằng, trong tác phẩm nói về L. Feuerbach, F. Engels trách Feuerbach là đã đấu tranh với tôn giáo không phải nhằm mục đích tiêu diệt nó, mà là nhào nặn nó lại, chế tạo ra một thứ tôn giáo mới, “cao thượng”, v.v..

Hoặc như trong việc thực hiện nguyên tắc “tuyên bố tôn giáo là một việc của tư nhân” vốn đã được đề cập trong *Cương lĩnh Ecp-huya* (1891), mà theo V. I. Lênin, đến đầu thế kỷ XX đã bộc lộ tính “thù cừ”, gây ra “sự xuyên tạc mới đối với chủ nghĩa Mác” theo khuynh hướng cơ hội trong các đảng Dân chủ Xã hội. V. I. Lênin khẳng định: “Đảng Dân chủ Xã hội coi tôn giáo là một việc của tư nhân *đối với nhà nước*, chứ không phải đối với bản thân Đảng Dân chủ Xã hội, không phải đối với chủ nghĩa Mác, không phải đối với đảng công nhân”.

V. I. Lênin đồng thời rất tinh táo, cảnh báo về xu hướng tả khuynh. Theo Đỗ Quang Hưng, “Phải nói thêm rằng cả về nhận thức và tâm lý, các đảng Mác-xít trong thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng gay gắt, dễ vấp phải điều này. Tiêu biểu cho khuynh hướng tả khuynh, vô chính phủ về vấn đề tôn giáo, những kẻ muốn đồng nhất đấu tranh với tôn giáo với đấu tranh chính trị là những nhân vật như Dühring, Blängxki. Thậm chí họ còn *tuyên chiến* với tôn giáo và *khai chiến* với Thượng đế...”

Tiếp tục sự phê bình của F. Engels, V. I. Lênin viết: “F. Engels đã coi lời tuyên chiến âm ỉ của họ với tôn giáo là đại đột; F. Engels khẳng định ngay rằng: tuyên chiến như thế là một phương pháp tốt nhất làm kích động thêm sự quan tâm của người ta đối với tôn giáo, và làm cho tôn giáo đi đến tiêu vong thực sự một cách khó khăn hơn... đó chỉ là một luận điệu vô chính phủ chủ nghĩa”.

V. I. Lênin là người nêu khẩu hiệu “chủ nghĩa vô thần chiến đấu” cho công tác tư tưởng, tuyên truyền, nhưng chính người lại đột phá trong việc chống tư tưởng cực đoan, biệt phái: Vậy thì, đảng viên có thể có tôn giáo? Thậm chí một linh mục có thể vào Đảng?

Người viết rõ ràng: “Chúng ta không phải sẵn sàng kết nạp mà còn cố gắng để thu hút vào Đảng Dân chủ - Xã hội tất cả những công nhân nào còn tin ở Thượng đế; chúng ta nhất định phản đối bất cứ một sự xúc phạm nhỏ nào đến tín ngưỡng, tôn giáo của họ”¹⁹.

Trên đây là những nghiên cứu tôn giáo qua các tác phẩm của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin của một số tác giả mà theo chúng tôi có những đóng góp về mặt lý luận. Phần lớn những đóng góp ấy trải thời gian đến nay vẫn đứng vững. Họ là những tác giả “đi trước” và “mở đường”. Lẽ dĩ nhiên còn rất nhiều tác giả khác trong nước, kể cả những tác giả nước ngoài (được Viện Nghiên cứu Tôn giáo giới thiệu qua bản dịch) nhưng do khuôn khổ của bài viết, chúng tôi không thể đề cập được hết.

Qua những nghiên cứu của một số tác giả được bài viết phân tích ở trên, có thể rút ra những đóng góp của họ về mặt lý luận tôn giáo, từ việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trước hết, các nghiên cứu đề cập đến các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc tôn giáo. Tôn giáo do con người sáng tạo ra. Nhưng là con người cụ thể, không phải con người trừu tượng. Là nhà nước ấy, xã hội ấy tạo ra tôn giáo.

Tôn giáo có nguồn gốc nhận thức, đặc biệt là nguồn gốc xã hội. Theo đó sự ra đời của tôn giáo vừa là sự phản ánh vừa là sự phản kháng chống lại xã hội đương thời.

Thứ hai, về bản chất tôn giáo, câu nói “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” được các nhà nghiên cứu bình luận, đánh giá cả trên quan điểm lịch sử cụ thể cả trên bình diện của cái nhìn trong thời đại mới. Theo đó, chính là K. Marx khẳng định vai trò xã hội của tôn giáo trong

những tình huống nhất định của xã hội nước Đức đương thời. Vậy nên không nên coi cụm từ “thuốc phiện” mà K. Marx sử dụng như ma túy với sự độc hại khôn lường, cũng không nên coi ở đó bao hàm nghĩa mê hoặc hoặc ru ngủ, thủ tiêu đấu tranh không hề có nhân tố tích cực nào.

Một số nhà nghiên cứu khi nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo thường ghép hai nội dung nguồn gốc và bản chất tôn giáo thành một mệnh đề để trình bày mà không có sự tách biệt đâu là vấn đề nguồn gốc, đâu là vấn đề bản chất trong một tác phẩm cụ thể được trình bày trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, trường hợp Nguyễn Đức Sự với bài viết: *Mác - Ăngghen - Lênin và vấn đề tôn giáo* (đã đề cập ở phần trên) là một ví dụ. Còn Đỗ Quang Hưng lại có cái nhìn gần như tách biệt với một số nhà nghiên cứu khi viết: “K. Marx và F. Engels đã nhiều lần phải bàn về mệnh đề “tôn giáo là gì”. Nhưng chung cuộc cái gì là bản chất, là định nghĩa tôn giáo thì không thể xác định (đã đề cập ở phần trên).

Sở dĩ có sự chưa thống nhất giữa các nhà nghiên cứu, theo chúng tôi, có lẽ một mặt do tính phức tạp của vấn đề nghiên cứu, mặt khác do cách tiếp cận khác nhau của vấn đề nghiên cứu.

Thứ ba, các nhà nghiên cứu đều cho rằng, K. Marx, F. Engels tiếp cận tôn giáo chủ yếu dưới góc độ triết học và triết lý, nhưng với V. I. Lênin tiếp cận tôn giáo có sự khác biệt. Một mặt V. I. Lênin tiếp thu, bổ sung quan điểm của K. Marx, F. Engels về nguồn gốc, bản chất tôn giáo qua tình hình thực tiễn của nước Nga Xô Viết, mặt khác là người lãnh đạo Nhà nước Xô Viết, V. I. Lênin đưa ra thuyết chủ nghĩa vô thần và chỉ đạo tuyên truyền chủ nghĩa vô thần trong quần chúng. Đặc biệt V. I. Lênin và Đảng Cộng sản Liên Xô đã xây dựng được đường lối chính sách tôn giáo của Đảng Mácxít, nhất là các Đảng cầm quyền. Đóng góp ở nội dung thứ ba này là Phạm Như Cương, đặc biệt là Đỗ Quang Hưng.

2. Nghiên cứu vấn đề tôn giáo qua các tác phẩm của Hồ Chí Minh

Cần thiết phải khẳng định ngay rằng Hồ Chí Minh không phải là nhà lý luận chuyên nghiệp như K. Marx, F. Engels. Hồ Chí Minh dành trọn cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đem lại độc lập tự do, hòa bình cho đất nước, cho dân tộc, cơm no, áo ấm cho toàn dân. Để đạt được mục tiêu cao cả ấy, một trong những đường lối có tính chiến lược của Hồ Chí Minh là đoàn kết toàn dân tộc trong đó có đoàn kết các tôn giáo tạo nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Trong điều kiện một đất nước đa tôn

giáo, đa dân tộc, trong điều kiện kẻ thù luôn lợi dụng dân tộc và tôn giáo như một vũ khí lợi hại để phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm làm suy yếu dân tộc Việt Nam để dễ bề thống trị, đường lối chiến lược đoàn kết các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc là tư tưởng thể hiện tầm cao trí tuệ mang tính siêu thời đại của Hồ Chí Minh.

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng trước đây với những vấn đề tôn giáo đặt ra, Hồ Chí Minh thường thể hiện quan điểm qua các bài viết, bài nói của mình. Những bài viết, bài nói của Người thường ngắn gọn nhưng hàm ý hết sức sâu sắc và cho đến nay vẫn giữ những giá trị hiện thời của nó.

Ngay từ buổi đầu thành lập với tên gọi *Ban Nghiên cứu khoa học về tôn giáo* cùng với việc sưu tầm, tuyển chọn: K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin bàn về tôn giáo qua các tác phẩm kinh điển, kéo theo đó là việc nghiên cứu quan điểm của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin về tôn giáo là việc sưu tầm tuyển chọn những bài viết, bài nói chuyện của Hồ Chí Minh về tôn giáo. Trên cơ sở sưu tầm, tuyển chọn, Viện Nghiên cứu Tôn giáo cho ra đời cuốn *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng* (năm 1996). Sách ra đời được đông đảo bạn đọc đón nhận. Vì vậy, hai năm sau, năm 1998 sách được tái bản có bổ sung. Ở lần xuất bản lần thứ nhất, Đặng Nghiêm Vạn với tư cách là Viện trưởng (đầu tiên) của Viện Nghiên cứu Tôn giáo viết *Lời tựa*. Bài viết dài 12 trang (từ tr. 11 - 22) có thể xem *Lời tựa* như một bài nghiên cứu Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng. *Lời tựa* đề cập đến 4 vấn đề:

(1) Hồ Chí Minh không chỉ là biểu tượng của sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn là một nhà văn hóa lớn của nhân loại. Một người dù theo tôn giáo nào, đều có thể đồng tình khi Hồ Chí Minh tự đáy lòng mình đã phân biệt được điều CHÍNH và điều TÀ: CHÍNH là THIÊN, TÀ là ÁC. Đó là hạt nhân nhân bản của bất kỳ tôn giáo nào. Hồ Chí Minh không chỉ một lần ca ngợi những người sáng lập ra tôn giáo. Từ chỗ hiểu biết kinh điển của các tôn giáo, Người đi đến chỗ khai thác những lời răn của các vị thánh hiền, chuyển ý hợp với thời đại. Đặng Nghiêm Vạn: “Ta mới thật hiểu tại sao một người theo chủ nghĩa Mác - Lênin như Hồ Chí Minh lại có thể nói: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Tôn Dật Tiên chẳng có điểm chung đó sao? Họ đều

muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”²⁰.

Đoạn văn trên sau này được trích dẫn khá phổ biến của những ai nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Nhưng ít ai biết, Đặng Nghiêm Vạn có lẽ là một trong những người đầu tiên đưa đoạn văn đó đến với đông đảo bạn đọc.

(2) Nếu như vấn đề thứ nhất được xem như “khúc dạo đầu” thì từ vấn đề thứ hai, Đặng Nghiêm Vạn bàn đến những điều cốt yếu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Như theo Hồ Chí Minh, tôn giáo phải gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Vì nước có độc lập, tự do tôn giáo mới được làm chủ; Giữa đạo và đời không có ranh giới rõ rệt, trái lại có sự khoan dung, hòa quyện giữa các tôn giáo theo phương châm “hòa nhi bất đồng”; Hồ Chí Minh là người Việt Nam hiểu rất rõ văn hóa Việt Nam, mà ở đó một trong những yếu tố quan trọng là đạo thờ tổ tiên, nối kết thiêng liêng của cộng đồng.

(3) Theo *Lời tựa*, Hồ Chí Minh luôn có một thái độ trân trọng với các tôn giáo. Quan điểm của Người là “tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết. Nhờ đó tránh được những cuộc chiến tranh, những xung đột dưới lá cờ tôn giáo. Hồ Chí Minh luôn tranh thủ các chức sắc tôn giáo, có thái độ khoan dung đối với họ. Bản thân Hồ Chí Minh rất trân trọng các tôn giáo”. Để chứng minh nhận định trên, *Lời tựa* dẫn câu nói của Sainteny viết về Hồ Chí Minh: “Về phần tôi, phải nói rằng chưa bao giờ tôi có cơ để nhận thấy nơi các chương trình của cụ Hồ Chí Minh một dấu vết nào, dù rất nhỏ, của sự công kích, đa nghi, hoặc chế giễu đối với một tôn giáo bất kỳ nào”²¹. Vì vậy “Người không đồng tình với những hành vi của cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách tự do tín ngưỡng... Người cũng không đồng tình với những hành vi mê tín, phê phán những hành vi thô bạo trong việc xóa bỏ mê tín. Người chủ trương kiên trì phương châm giáo dục.

(4) Đặng Nghiêm Vạn chỉ rõ: “Tôn trọng tự do tín ngưỡng là bảo vệ niềm tin thiêng liêng nhất của một tín đồ. Vì vậy, Hồ Chí Minh kiên quyết đấu tranh với những kẻ làm vãn đục cái “thiên liêng” đó. Hồ Chí Minh phân biệt rõ ràng việc lợi dụng tôn giáo vào những hoạt động chính trị phản động với bản chất tốt đẹp của tôn giáo. *Lời tựa* được kết thúc bằng đoạn văn sau:

“Thái độ của Hồ Chí Minh đối với vấn đề tôn giáo là vậy. Đó là thái độ của một con người văn hóa, một con người trân trọng mọi thành tựu văn hóa, trong đó có tôn giáo, nhằm mục đích vì dân, vì nước, vì nhân loại. Nên ta thấy rõ ràng nhờ Người, khối đoàn kết toàn dân tộc được phát huy; nhờ Người, mới có một chính sách tôn giáo đúng đắn, trước sau như một; nhờ Người, đến nay đã có được nghị quyết cụ thể, tiêu biểu như Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị, trong đó có khẳng định nhu cầu tôn giáo, tính tích cực của nó trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đạo đức tôn giáo cũng có những điều phù hợp với chế độ ta”²².

Hồ Chí Minh với vấn đề tôn giáo còn được Đặng Nghiêm Vạn trở lại trong một số công trình, bài viết của mình. Đáng kể nhất là công trình: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, công trình được Nxb. Chính trị Quốc gia tái bản lần thứ hai năm 2005.

Phạm Như Cương trong bài viết: *Bàn về thái độ và phương pháp khi nghiên cứu các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh về tôn giáo*, phần bàn về Hồ Chí Minh với tôn giáo tác giả tiếp cận theo phương pháp lịch đại. Theo đó tác giả bắt đầu từ thời điểm năm 1923 - 1924, thời điểm Hồ Chí Minh viết cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, trong đó có Chương X với tiêu đề *Chủ nghĩa giáo hội*, bằng những dẫn chứng cụ thể thường lấy từ nguồn tư liệu của các nhà truyền giáo hoặc các sĩ quan thực dân, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bộ mặt thật của các đoàn truyền giáo là những kẻ nhân danh Chúa để đồng hóa, tham gia một cách tích cực, thậm chí có khi còn hăng hái hơn, vào việc thiết lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, gây dựng thế lực riêng, vơ vét cướp bóc tài sản, nhất là ruộng đất, làm giàu riêng cho giáo hội và cá nhân. “Các sứ giả” của Chúa đã không chùn tay trước bất cứ hành vi dã man nào.

Kết luận Chương X về *Chủ nghĩa giáo hội*, Nguyễn Ái Quốc viết một giọng mỉa mai chua cay: Đây là những hành động Phúc âm mà các “Cha nhà ta” nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo sau năm 1945 nghĩa là sau khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời được Phạm Như Cương chỉ ra với một số nội dung, như:

(1) Trong tình hình thực dân lợi dụng tôn giáo vào âm mưu “chia để trị”, Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm: Tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết. Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc với tự do tôn giáo. Đoàn kết các tôn giáo, tranh thủ đội ngũ chức sắc nhất là những chức sắc cao

cấp đứng đầu với các tổ chức giáo hội, tạo nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù thể hiện qua bài viết, lời nói đặc biệt là những việc làm cụ thể của Hồ Chí Minh. Về vấn đề này, Phạm Như Cương trong bài viết đã có cách tiếp cận đúng. Bởi bài viết của tác giả là “Bàn về thái độ và phương pháp...). Nghiên cứu quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo rõ ràng phải đề cập đến việc làm cụ thể của Người, như: dự ngày lễ một số tôn giáo, gặp gỡ, tiếp xúc trao đổi trực tiếp với tín đồ và hàng giáo sĩ, chúc tết các gia đình bên lương, quần áo chỉnh tề, đầu chít khăn, quần là hộp, ra đền Ngọc Sơn lễ chúc giao thừa. Phạm Như Cương nhận xét về những việc làm trên của Hồ Chí Minh là: “Một cách làm công tác tôn giáo, làm chính trị rất uyển chuyển, hòa mình một cách tự nhiên, chân tình rất “Hồ Chí Minh”. Đó là một phong cách làm chính trị ở *một tầm văn hóa rất cao* của một danh nhân văn hóa thế giới. Nếu như K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin còn sống và chứng kiến chắc cũng phải khen với sự cảm phục”.

(2) Hồ Chí Minh không chỉ hiểu biết giáo lý các tôn giáo mà còn triệt để khai thác phục vụ cho sự nghiệp cách mạng. Người tìm ra những nét tương đồng giữa giáo lý tôn giáo và chủ nghĩa xã hội, chỉ ra mẫu số chung là đấu tranh giải phóng con người, vì con người. Giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội không có sự đối lập nhau. Để chứng minh cho nhận định trên, Phạm Như Cương nêu một đoạn trích: “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do... đều hợp với tinh thần Phúc âm cho nên chúc đồng bào Công giáo làm tròn chính sách của Chính phủ cũng là làm tròn tinh thần của Chúa Cơ Đốc”. Bác Hồ khuyên các cháu nhi đồng Công giáo yêu Chúa, yêu nước, khuyên đồng bào Công giáo phụng sự Đức Chúa, phụng sự Tổ quốc, tham gia kháng chiến để giải phóng Tổ quốc và làm sáng danh Đức Chúa.

(3) Hồ Chí Minh phân biệt rạch ròi vấn đề tự do tín ngưỡng với vấn đề lợi dụng tôn giáo để phản bội dân tộc. Đốt lốt tôn giáo mà làm tay sai bán nước cho giặc là Việt gian mà đồng thời cũng là giáo gian.

(4) Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo góp phần bổ sung vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo. Để có nhận định này, Phạm Như Cương bắt đầu từ nhận định phản đề: “Chúng ta có thể thấy rằng Hồ Chí Minh nói về tín ngưỡng, tôn giáo khác rất nhiều, thậm chí có thể nói rằng đối lập với K. Marx, F. Engels và cả với V. I. Lênin. Nếu quên mất những lời cảnh báo của các ông về chủ nghĩa giáo điều để học chủ nghĩa Mác - Lênin

theo lối: “Không Tử viết... hoặc Phàm là...” thì có thể buộc cho Hồ Chí Minh là đã xa rời, hoặc xét lại chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhưng chẳng phải chính Nguyễn Ái Quốc ngay từ năm 1924, đã cho rằng không thể cấm bỏ sung “Cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác... cần xem lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông đó sao?”²³.

Tác giả phân tích: Khác với K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin, Hồ Chí Minh không đấu tranh trực diện với thần học Cơ Đốc giáo, với giáo lý của đạo Phật, mà lại thường xuyên nhấn mạnh *sự thống nhất giữa các tôn giáo với chủ nghĩa Mác, với chủ nghĩa xã hội, với cuộc kháng chiến của nhân dân ta về mục tiêu, khát vọng đấu tranh cho quyền lợi của những tầng lớp nhân dân các dân tộc bị áp bức*. Vì ở Việt Nam, vấn đề đoàn kết lương, giáo là một bộ phận quan trọng trong chính sách Đại đoàn kết dân tộc. Mà muốn đoàn kết lương, giáo, thì ngoài các chủ trương, chính sách về chính trị, kinh tế, xã hội công bằng, không phân biệt đối xử với tất cả công dân Việt Nam, cần phải thực hiện chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng đối với các tôn giáo. Ở Việt Nam, nếu tiến hành cuộc đấu tranh thần học, giáo lý một cách trực diện và căng thẳng sẽ rất có hại cho việc đoàn kết lương, giáo, là rơi vào âm mưu của kẻ thù đang cố sức che đậy cuộc chiến tranh xâm lược của chúng dưới chiêu bài là cuộc đấu tranh” chống cộng sản vô thần để bảo vệ đạo”.

Ta thấy rõ K. Marx, F. Engels và Hồ Chí Minh đã làm khác nhau trong hai hoàn cảnh khác nhau, mỗi cách làm đều đúng trong mọi hoàn cảnh cụ thể. Và đó chính là *Phép biện chứng*.

Tác giả bài viết *Bàn về thái độ và phương pháp khi nghiên cứu các tác phẩm của C. Mác, F. Engels, V. I. Lênin và Hồ Chí Minh về tôn giáo* cho rằng bài viết mong muốn góp phần lý giải về quan điểm của K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin, Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo xét từ góc độ phương pháp luận.

Hai vấn đề mà tác giả muốn nhấn mạnh là:

Thứ nhất, chúng ta chỉ có thể tìm ở các vị ấy *một phương pháp luận* để nghiên cứu, chứ không phải là *một sơ đồ* để sắp xếp các sự kiện, *một mô câu chữ* được xem là *khuôn vàng thước ngọc* để bó buộc đầu óc và chân tay chúng ta.

Thứ hai, những thông tin mới nhất về tình hình tôn giáo, về những thành tựu mới trong việc nghiên cứu tôn giáo mà chúng ta thu nhận được mở rộng hơn rất nhiều, cuộc sống của xã hội và nhận thức ngày nay cũng

vận động, biến đổi với một tốc độ nhanh hơn. Điều đó đòi hỏi một sự cố gắng, lớn của tư duy để khỏi bị lạc hậu, không thể lười nhác, ỷ lại vào cái có sẵn trong di sản của các bậc thầy của chúng ta, cũng không thể đi theo đường mòn của kinh nghiệm đã có²⁴.

Một trong những tác giả có thành tựu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo phải kể đến GS. Đỗ Quang Hưng. Tác giả có riêng một công trình nghiên cứu và nhiều bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành xoay quanh tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Nhưng theo chúng tôi, có lẽ một trong những thành công nhất của tác giả khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là nội dung viết ở Chương VI, cuốn sách: *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn* (Nxb. Lý luận chính trị, tái bản lần thứ 2, 2008) với tựa đề: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng”. Trong chương này, tác giả trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng thành 4 nội dung lớn:

- (1) Vấn đề tôn giáo sinh thời Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.
- (2) Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng.
- (3) Có một “Lý thuyết cơ bản của Hồ Chí Minh” về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.
- (4) Hồ Chí Minh và một nền tảng luật pháp tôn giáo.

Đây là một chương sách đặt trong một vấn đề lớn có dụng ý của người viết: *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, vì vậy mà tác giả cho rằng: “Khi trình bày những vấn đề trên, chúng tôi luôn nhằm mục đích chỉ ra rằng, thực sự đã có một tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng và ảnh hưởng sâu đậm của những tư tưởng đó đối với tư duy về vấn đề tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta”.

Còn một điểm cần lưu ý, trước đây nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng có những bài viết hoặc công trình nghiên cứu chỉ bàn đến hoặc tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, hoặc tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng mà không có dấu phẩy (,) giữa hai cụm từ tôn giáo và tín ngưỡng. Đỗ Quang Hưng, ngược lại, đặt giữa hai cụm từ tôn giáo và tín ngưỡng có dấu phẩy (,). Như vậy ở đây được hiểu rằng có sự tách bạch tôn giáo và tín ngưỡng.

Trở lại cuốn sách mà bài viết đề cập ở trên với 4 nội dung được trình bày trong Chương VI của Đỗ Quang Hưng. Theo đó, tác giả lần lượt đi vào lý giải từng nội dung mà mình đặt ra.

(1) *Vấn đề tôn giáo sinh thời Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*. Đúng như tiêu đề đặt ra, ở nội dung này, Đỗ Quang Hưng trình bày một cách tóm lược những sự kiện tôn giáo song hành với cuộc đời Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đó trước hết là thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) dẫn đến hình thành “thế lưỡng cực”, đối chọi quyết liệt ý thức hệ: tư sản - vô sản, xã hội chủ nghĩa - tư bản chủ nghĩa, duy tâm - duy vật, vô thần - hữu thần. Trong bối cảnh đó, tôn giáo được đánh giá như là sản phẩm của sự dốt nát, lạc hậu, như món hàng thừa thãi và còn là sự cản trở trí tuệ và khoa học cũng như sự tiến bộ xã hội.

Hiện tượng “tục hóa” lan tràn khắp Châu Âu, tôn giáo tách khỏi nhà nước. Công giáo không chỉ mất vai trò mà còn “nghèo đi” rất nhiều.

Giáo hoàng Pio XII qua Tông thư *Thiên Chúa cứu chuộc* (Divini Redemptoris) lên án toàn diện chủ nghĩa cộng sản với thái độ quyết liệt. Tông thư này ảnh hưởng rất sâu sắc đến Công giáo ở Việt Nam. Linh mục Nguyễn Huy Lịch có bài viết *Cảm nghĩ về Công giáo sau chuyến thăm Hà Nội* khi đất nước vừa thống nhất. Linh mục viết: “Tại Việt Nam thì hàng giám mục vẫn còn não trạng “chống cộng” của Thông điệp Divini Redemptoris (1937), của những chỉ thị Thánh Bộ năm 1949 cấm Công giáo hợp tác với cộng sản và của lá thư luân lưu năm 1951 về thái độ của Công giáo với Cộng sản ở Việt Nam... Sự nghi ngờ lãnh đạo trở nên đối lập khi một số linh mục và giáo dân đứng ra lập “Ủy ban Liên lạc những người Công giáo Kính Chúa, yêu Tổ quốc, yêu chuộng hòa bình”²⁵. Theo Đỗ Quang Hưng, “Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và hoạt động trong một “thời đại của những thái cực”, trong đó việc giải quyết vấn đề tôn giáo cũng là một trong những vấn đề phức tạp nhất của lịch sử nhân loại thế kỷ vừa qua.

(2) *Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng*. Mở đầu nội dung phần trình bày này, Đỗ Quang Hưng cho rằng: Khi trình bày ý kiến của Hồ Chí Minh trước năm 1945 về tôn giáo, tín ngưỡng, tác giả Ngô Phương Bá cho rằng, các bài viết của Người thể hiện qua hai chủ đề sau:

(i) Sự câu kết của chủ nghĩa thực dân và giáo hội trong quá trình xâm lược Việt Nam.

(ii) Sự câu kết của chủ nghĩa thực dân và giáo hội trong quá trình áp bức bóc lột nhân dân Việt Nam, chủ yếu là nông dân²⁶.

Chúng tôi thấy đúng nhưng chưa đủ:

Từ đó, Đỗ Quang Hưng lần lượt đi vào kiến giải. Tác giả cho rằng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trước tiên là phải tìm tòi nguồn gốc, nội dung những ý kiến của Người về tôn giáo và những ý kiến đó dường như đã tạo dựng cơ sở đầu tiên cho ngành “Tôn giáo học” ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã phác họa những đường nét cơ bản về đặc tính một số tôn giáo, nhân vật tôn giáo tiêu biểu, cũng như tâm thức tôn giáo của người Việt Nam và Á Đông.

Theo tác giả có mấy luận cứ:

Khi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, nảy sinh vấn đề tôn giáo trong các bài viết của Hồ Chí Minh (dù rất khiêm tốn). Có hai tư liệu quan trọng về vấn đề này. Gần đây là một tư liệu mới mang tên *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, Mátxcova, 1924 (đã được bài viết của chúng tôi đề cập và phân tích). Theo Đỗ Quang Hưng, nội dung bài viết có tính cách phương pháp luận và thực sự táo bạo.

Một tư liệu khác là bài “Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản - Nguyễn Ái Quốc” của nhà thơ, nhà báo Xô Viết Ôxíp Mandenxtan vốn được đăng tải trên tờ *Ngọn lửa nhỏ*, tháng 10/1923 tại Mátxcova khi Nguyễn Ái Quốc vừa đặt chân đến Liên Xô. Theo Ôxíp Mandenxtan, tôn giáo Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc xem xét trên một số phương diện chủ yếu sau đây:

(i) Về gia đình học Không giáo, không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức, phép ứng xử.

(ii) Về tôn giáo tín ngưỡng: Người An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của Châu Âu. Việc cúng bái Tổ tiên hoàn toàn là một hiện tượng xã hội.

Từ đó, Đỗ Quang Hưng bình luận: Có thể nói đây là *những luận đề có tính xuất phát về tôn giáo học phương Đông và Việt Nam* của Nguyễn Ái Quốc, những dự báo có giá trị cho giới nghiên cứu về tôn giáo nước ta hiện nay... Nhưng rõ ràng những luận đề đầu tiên về “hệ thống tôn giáo dân tộc”, về thờ cúng tổ tiên, đặc biệt nhận định “Người An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của châu Âu” nói trên, đã bắt gặp những suy nghĩ hiện đại nhất của các nhà Đông phương học Châu Âu lúc đó như linh mục L. Cadière chẳng hạn.

Điều thứ hai trong nội dung này được Đỗ Quang Hưng bàn đến là “chủ nghĩa giáo hội” trong cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, qua đó

Nguyễn Ái Quốc bóc trần chân tướng của chủ nghĩa thực dân Pháp câu kết với Giáo hội. Và một lần duy nhất Nguyễn Ái Quốc sử dụng luận đề nổi tiếng của K. Marx khi phát biểu tại Hội nghị quốc tế nông dân ở Mátxcova (10/1923) “Nhà thờ là thuốc phiện của thế giới” nhưng chúng tôi nhờ có văn minh phương Tây mà chúng tôi có cả nhà thờ và thuốc phiện”²⁷. Theo Đỗ Quang Hưng, những nội dung trên của Nguyễn Ái Quốc chỉ nhằm vào chủ nghĩa tăng lữ chính trị và chính sách thỏa hiệp với chủ nghĩa thực dân của Vatican và một số giáo hội phương Tây khi đó chứ đâu phải với vấn đề Công giáo nói chung.

Điều thứ ba, đóng góp đầu tiên của Hồ Chí Minh sau Cách mạng tháng Tám chính là vấn đề khẳng định quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng cho mọi công dân nói Việt Nam mới và sự bình đẳng dân tộc, tôn giáo mà luật pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày càng thể chế hóa rõ hơn. Luận đề này được Đỗ Quang Hưng chứng minh bằng một loạt sự kiện như tuyên bố của Hồ Chí Minh trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 3/9/1945; Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Sắc lệnh số 197.SL do Hồ Chí Minh ký ngày 19/12/1953 ban bố Luật cải cách ruộng đất, đặc biệt là Sắc lệnh 234 ngày 14/6/1955 - Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo.

Điều thứ tư, theo Đỗ Quang Hưng, Hồ Chí Minh tìm kiếm mặt tương đồng giữa các hệ ý thức và tôn giáo giữa một thế giới đang xung đột... cho đến nay tư tưởng ấy của Hồ Chí Minh vẫn nguyên vẹn giá trị trong lĩnh vực tư tưởng nói chung cũng như trong nghiên cứu tôn giáo nói riêng.

(3) Có một “Lý thuyết cơ bản của Hồ Chí Minh” về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.

Điểm thứ nhất trong nội dung này được Đỗ Quang Hưng chỉ ra: Tư tưởng về tôn giáo, tín ngưỡng là một bộ phận của tư tưởng Hồ Chí Minh, một bộ phận có vị trí độc đáo và nó trực tiếp liên quan đến một lĩnh vực tư tưởng, nhận thức rất nhạy cảm...

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng dựa trên những luận điểm chủ yếu của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo, tín ngưỡng, nhưng lại được vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam.

Nếu cần phải khái quát toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo chúng tôi xin lưu ý 4 mệnh đề sau đây:

Thứ nhất, một cái nhìn biện chứng có tính phát hiện về một số đặc điểm cơ bản có tính tôn giáo học về tôn giáo Phương Đông và Việt Nam.

Thứ hai, không chỉ tôn trọng đời sống đức tin của người có tôn giáo mà còn sớm tách biệt mặt chính trị trong thực tiễn đời sống tôn giáo và nhất là, thấy rõ vai trò văn hóa, những giá trị nhân văn của các tôn giáo và đạo đức tôn giáo.

Thứ ba, tìm kiếm những giá trị tương đồng giữa các hệ ý thức và tôn giáo xem nó như là chỗ bắt gặp phương tiện quan trọng để người Mác-xít có thể đối thoại, vận động người có tôn giáo vào mặt trận cách mạng.

Thứ tư, chỉ ra cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc gắn việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong tổng thể vấn đề dân tộc, khuyến khích khuynh hướng tư tưởng đúng đắn: các tôn giáo ở nước ta có thể *đồng hành* với dân tộc, trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình ấy, đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết Lương - Giáo luôn có tầm quan trọng đặc biệt.

Để kết thúc phần trình bày điểm thứ nhất, theo Đỗ Quang Hưng: Phải gắn những tư tưởng độc đáo này của Người trong bối cảnh thời đại lúc đó, chúng ta mới hiểu rõ giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo.

Hồ Chí Minh luôn gắn vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Quan trọng hơn, Người luôn luôn đặt nó *trong* và *dưới* vấn đề đại đoàn kết dân tộc, phục vụ mục tiêu cứu nước, giành độc lập dân tộc và cũng là điều kiện tiên quyết cho quyền tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Điểm thứ hai, Đỗ Quang Hưng cho rằng, là người Mác-xít vô thần, nhà cách mạng chuyên nghiệp, nhưng Hồ Chí Minh không bị các quan điểm tả khuynh của Liên Xô, Trung Quốc và của phong trào cộng sản công nhân quốc tế (nhất là giai đoạn còn tồn tại Quốc tế cộng sản) chi phối. Chẳng những thế Hồ Chí Minh đã vượt lên khi giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam, tìm ra “một hằng số” trong quan hệ Đạo - Đời. Đây là một trong những nét đặc sắc nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo.

Điểm thứ ba được Đỗ Quang Hưng chỉ ra, Hồ Chí Minh sớm có quan điểm nhân văn, không kỳ thị tôn giáo, sớm nhìn nhận những giá trị tích cực về mặt văn hóa, đạo đức nơi các tôn giáo và khả năng đóng góp của

các tôn giáo trong việc làm giàu thêm đời sống văn hóa, tinh thần xã hội. Đồng thời, Người cũng kiên quyết đấu tranh loại bỏ việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng vào những mục đích chống dân tộc, chống con người, phản văn hóa.

Điều thứ tư mà Đỗ Quang Hưng gọi là cách “chữa bệnh tôn giáo” của Hồ Chí Minh luôn mở rộng không chỉ về nhận thức luận, ý thức hệ mà còn là vấn đề con người trong tổng thể quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Trong xã hội, hình ảnh Hồ Chí Minh được đánh giá “như một nhà hiền triết ngày xưa, chịu đau khổ để cứu vớt loài người khỏi cảnh trầm luân. Người theo đạo Phật thì liên hệ đến Thích Ca Mâu Ni, người theo đạo Hồi thì liên hệ đến Mohamet, người theo đạo Cơ Đốc thì liên hệ tới Chúa Kitô... đều là những người vì cứu rỗi loài người mà bị đóng đanh trên Thánh giá, hoặc tự nguyện xuống địa ngục, hoặc bị kẻ thù giết hại. Tất cả vì chúng sinh”²⁸. Nhận xét đó của một trí thức Pháp, thực không có lời ngợi ca nào hơn đối với Người trong lĩnh vực này.

(4) Hồ Chí Minh và một nền tảng luật pháp tôn giáo. Luận đề này được Đỗ Quang Hưng bắt đầu từ tiêu đề: Khung cảnh luật pháp theo đó Đỗ Quang Hưng nhấn mạnh chính Hồ Chí Minh đã để lại dấu ấn thật sâu đậm trong việc xây dựng bộ máy nhà nước cũng như hệ thống luật pháp. Đỗ Quang Hưng đưa ra những dẫn chứng của nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, rồi cựu Bộ trưởng Tư pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa Vũ Đình Hòe nói về vai trò của Hồ Chí Minh với ngành Luật pháp Việt Nam.

Về phương diện luật pháp tôn giáo, Đỗ Quang Hưng bắt đầu từ *Chỉ thị Thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập Hội phản đế Đồng minh* ngày 18/11/1930, trong chỉ thị có đoạn: *lại bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng* kể từ đó đến Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương từ văn kiện Đại hội lần thứ nhất ở Ma Cao (tháng 3/1935), đến Hội nghị toàn quốc ngày 15/8/1945 đã phác họa những quan điểm cơ bản về vấn đề tôn giáo, trong đó luôn luôn đặt vấn đề *tự do tín ngưỡng* trong khuôn khổ vấn đề đại đoàn kết dân tộc, cứu nước giành độc lập.

Đề cập đến luật pháp tôn giáo ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, Đỗ Quang Hưng chia làm hai giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất, từ tháng 9/1945 đến đầu những năm 1990, bước khởi đầu xây dựng hệ thống luật pháp về tôn giáo.

Giai đoạn thứ hai, từ đầu những năm 1990 khi Đảng Cộng sản Việt Nam có Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị đánh dấu sự đổi mới về đường lối, chính sách tôn giáo đến nay, đây là giai đoạn từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp tôn giáo.

Với giai đoạn thứ nhất - *bước khởi đầu* là Bộ Nội vụ ra nghị định nhắc nhở các địa phương tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng cho đồng bào (20/9/1945). Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 11/1946), Cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 3/1951), Nghị định của Phủ Thủ tướng (4/10/1953), đặc biệt là Sắc lệnh 234/SL *về vấn đề tôn giáo*, ban hành chính sách tôn giáo, do Hồ Chủ tịch ký ngày 14/6/1955 được xem là dấu mốc thể chế hóa quyền tự do tín ngưỡng của công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nội dung chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tôn giáo là: Một mặt, thật sự tôn trọng tự do tín ngưỡng của đồng bào, giúp đỡ các nhà tu hành làm tròn nghĩa vụ công dân, đối xử bình đẳng giữa các tôn giáo; mặt khác, cương quyết đối phó với những âm mưu lợi dụng tôn giáo của bọn đế quốc và phản động.

Theo Đỗ Quang Hưng, dù chia làm hai giai đoạn, nhưng về cơ bản lộ trình xây dựng luật pháp tôn giáo ở Việt Nam *căn bản là một đường thẳng không có những bước hụt hẫng, gãy khúc quanh co*, phủ định lẫn nhau. Nói cách khác, những nguyên lý kinh nghiệm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trước sau vẫn là cơ sở cho lộ trình ấy.

Tiếp theo, Đỗ Quang Hưng dành một số trang viết gồm cả việc trưng dẫn tư liệu và bình luận để khẳng định ý kiến nêu ra ở trên của tác giả. Cuối cùng, tác giả kết luận: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã *đặt nền móng* cho việc xây dựng bước đầu luật pháp tôn giáo ở Việt nam, cho Việt Nam. Cũng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây, nhưng ở Việt Nam chưa bao giờ có cách nhìn luật pháp tôn giáo theo định đề: *bảo đảm tự do tín ngưỡng cho công dân*, nhưng đồng thời cũng bảo đảm *quyền tự do tuyên truyền chống tôn giáo* (Hiến pháp Liên Xô, 1936) hoặc *“tự do tuyên truyền vô thần”* (Hiến pháp Liên Xô, 1977).

Với Sắc lệnh 234/SL, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết những nguyên tắc tư tưởng và chính trị cốt lõi cho việc xây dựng luật pháp tôn giáo ở Việt Nam mà hôm nay, hơn lúc nào hết, chúng ta cần phải “tìm đến ngọn nguồn” cho những bước đi tiếp. Điều quan trọng hơn, với Sắc lệnh này,

chính Người đã xác định *mô hình nhà nước “thế tục thể chế”* theo hướng *xã hội chủ nghĩa* trên cơ sở thực tiễn Việt Nam²⁹.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo còn phải kể đến tác giả Ngô Phương Bá. Ông là người nhiều năm sưu tầm các bài viết, bài nói chuyện cũng như những việc làm của Hồ Chí Minh về tôn giáo. Có lẽ Ngô Phương Bá là một trong những nhà nghiên cứu đầu tiên đi vào lĩnh vực này. Theo ông có khoảng 120 đơn vị tư liệu của Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng. Khi Viện Nghiên cứu Tôn giáo xuất bản cuốn *Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng* (đã dẫn), Ngô Phương Bá có bài viết: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*. Theo Ngô Phương Bá toàn bộ tư tưởng, quan điểm và hoạt động của Hồ Chủ tịch liên quan đến vấn đề tôn giáo thuộc về những chủ đề sau đây:

(i) Khẳng định đường lối chính sách lâu dài và nhất quán của Đảng và Nhà nước là Đoàn kết tôn giáo và tự do tín ngưỡng, nhằm xây dựng khối Đại đoàn kết, Đại hòa hợp dân tộc.

(ii) Tôn giáo và Tổ quốc. Đúc tin tôn giáo và lòng yêu nước.

(iii) Đấu tranh và hòa hợp. Phân biệt rõ người tín hữu chân chính và những kẻ lợi dụng tôn giáo.

(iv) Hồ Chủ tịch và lòng ngưỡng mộ của quần chúng với những tinh hoa của các tôn giáo truyền thống.

(v) Tâm lòng của Hồ Chủ tịch đối với đồng bào các tôn giáo và tình cảm của những tín hữu đối với Hồ Chí Minh³⁰.

Trên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* của Viện Nghiên cứu Tôn giáo hiện có một số bài nghiên cứu đề cập đến các khía cạnh khác nhau tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo.

Những năm gần đây, Nguyễn Hồng Dương trong một số công trình nghiên cứu được in thành sách, như: *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* (Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012); *Tiếp tục đổi mới chính sách về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận cơ bản* (Nxb. Văn hóa thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội, 2014); *Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo* (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015) dành những dung lượng nhất định bàn về tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng đã được học giả có tên tuổi luận bàn. Dù các tác phẩm hay bài nghiên cứu có cách tiếp

cận khác nhau nhưng hầu hết đều thống nhất trong đánh giá, rút ra những nội dung cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng, đó là:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh đặt tôn giáo trong vấn đề dân tộc, thực hiện phương châm đoàn kết tôn giáo trong đoàn kết toàn dân tộc; Tìm ra mẫu số chung giữa tôn giáo và dân tộc; Đoàn kết tôn giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh cốt lõi là đoàn kết lương giáo.

Thứ hai, Hồ Chí Minh am hiểu thần học, giáo lý tôn giáo; không kỳ thị, công kích bất kỳ một tôn giáo nào; đề cao những giá trị mà tôn giáo đem lại, đồng thời biết khai thác những giá trị ấy phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.

Thứ ba, có một tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng, tư tưởng ấy một mặt kế thừa những quan điểm, kinh nghiệm của K. Marx, F. Engels và V. I. Lênin, mặt khác, quan trọng hơn, là sự vận dụng sáng tạo dựa trên tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam đặc biệt là ở tầm cao trí tuệ, văn hóa, nhân văn, sự khoan dung tôn giáo của Hồ Chí Minh.

Thứ tư, Hồ Chí Minh tạo dựng cơ sở đầu tiên của ngành “tôn giáo học” ở Việt Nam với phác họa những đường nét cơ bản về đặc tính một số tôn giáo, nhân vật tôn giáo tiêu biểu, cũng như tâm thức tôn giáo của người Việt Nam và Á Đông. Và, có một “Lý thuyết cơ bản của Hồ Chí Minh” về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.

Thứ năm, Hồ Chí Minh đặt nền tảng cho luật pháp tôn giáo ở Việt Nam.

4. Một vài nhận xét và vấn đề đặt ra

Ngay từ khi ra đời, Viện Nghiên cứu Tôn giáo mà tiền thân của nó là Ban Nghiên cứu khoa học về tôn giáo, sau đó là Trung tâm nghiên cứu Khoa học về tôn giáo đã xác định một trong những vấn đề cần quan tâm trước hết là nghiên cứu lý luận về tôn giáo. Trong lý luận về tôn giáo, phải bắt đầu từ việc nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Do vậy, chỉ sau hơn một năm, năm 1993, một cuộc hội thảo khoa học được tổ chức. Ở cuộc hội thảo này, đột phá khẩu được chọn là bàn về bản chất tôn giáo xoay quanh luận đề của K. Marx “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”. Cần thiết phải chỉ ra rằng, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước được khởi xướng tại Đại hội VI (1986) nhưng đổi mới về tôn giáo chỉ được bắt đầu vào năm 1990 với sự ra đời của Nghị quyết 24-NQ/TW *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. Nhưng những năm đầu, Nghị quyết chỉ lưu hành trong quy định “Tối mật”, chỉ một số lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh mới

được tiếp cận văn bản. Điều đó cho thấy, Hội thảo 1993 với luận bàn về bản chất tôn giáo, “mở xẻ” một quan điểm vốn được xem là quan trọng “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” cho thấy tầm nhìn cũng như lòng “dũng cảm” của Viện mà người đứng đầu là GS. Đặng Nghiêm Vạn. Những cuộc hội thảo tiếp theo, những công trình nghiên cứu sau đó lần lượt đi vào nghiên cứu những vấn đề cốt lõi quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Một trong những thành tựu của Viện Nghiên cứu là phương pháp tiếp cận, cách đánh giá khắc phục cách đánh giá một chiều, thậm chí mang tính minh họa. Nay được tiếp cận nhiều chiều, cùng với việc khẳng định giá trị, di sản quan điểm tôn giáo mà K. Marx, F. Engels, V. I. Lênin đề cập, còn là phân tích chỉ rõ những điều kiện lịch sử cụ thể để các nhà kinh điển đưa ra quan điểm về tôn giáo, khẳng định một số quan điểm “hợp lý” vào những thời điểm lịch sử cụ thể đó, nhưng cùng với thời gian đã có những quan điểm bị bỏ qua. Một số nhà nghiên cứu, vì vậy, yêu cầu khi nghiên cứu quan điểm tôn giáo của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cần chú ý đến điều kiện lịch sử cụ thể, phải có thái độ khách quan.

Điều đáng mừng, mặc dù nghiên cứu quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo đã đạt được những thành tựu cơ bản, nhiều vấn đề xem như là đã được đóng đinh nhưng cho đến nay vẫn có những công trình, bài viết dưới các góc độ khác nhau tiếp tục nghiên cứu và thành tựu được ghi nhận.

Có thể nói thành tựu nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trong chặng đường 25 năm của Viện Nghiên cứu Tôn giáo là một trong những thành tựu nổi bật. Những thành tựu ấy vừa có giá trị khoa học vừa có giá trị thực tiễn cao.

Tuy vậy, nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo không phải đã “hết sắn”. Theo chúng tôi, vẫn còn rất nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới. Chẳng hạn:

(1) Quan điểm về *hệ thống tôn giáo dân tộc*. Về vấn đề này, Đặng Nghiêm Vạn là người khởi xướng và theo đuổi một cách đam mê đến hết lòng, hết trí. Đạo Thờ tổ (hay đạo Thờ Tổ tiên) mà tác giả tâm huyết cần được nghiên cứu kỹ hơn về nền tảng, về lý thuyết, đặc biệt là vai trò của nó trong xã hội hiện đại khi mà toàn cầu hóa đã và đang phá vỡ nhiều thành tố văn hóa của dân tộc.

(2) Thuật ngữ “Thờ cúng” mà người Việt sử dụng bấy lâu và được Hồ Chí Minh sử dụng trong Sắc lệnh 234.

(3) Trương tự, thế nào là tín ngưỡng, thế nào là tôn giáo theo quan niệm truyền thống của người Việt.

Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin được xem như kim chỉ nam, là “ngọn đuốc soi đường” của bất kỳ ngành nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nào. Với ngành nghiên cứu tôn giáo, một đối tượng vô cùng nhạy cảm, việc nghiên cứu lý luận nhất là lý luận, quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trong một đất nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản luôn là ngọn đèn soi đường chỉ lối cho các nhà nghiên cứu dù làm lâu năm hay chập chững bước vào nghề.

Mong rằng trên cơ sở thành tựu đạt được sau 25 năm, thời gian tiếp theo Viện Nghiên cứu Tôn giáo vẫn xem đây là một hướng nghiên cứu quan trọng./.

CHÚ THÍCH:

- 1 GS. Đặng Nghiêm Vạn (2005), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* (Sách tham khảo), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 8.
- 2 Trần Bạch Đằng (2001), “Vấn đề tôn giáo - Tư tưởng và chính sách xã hội”, trong Đỗ Quang Hưng (chủ biên), *Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 13, 14.
- 3 PGS. TS. Nguyễn Đức Sự (2001), tuyển chọn và biên soạn: *Mác, Ăngghen, Lênin bàn về tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 12, 13.
- 4 Những bài viết trong cuộc tọa đàm được tin thành sách với tựa đề: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
- 5 Phạm Như Cương, “Bàn về thái độ và phương pháp khi nghiên cứu các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh về tôn giáo”, trong cuốn *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd: 65-69.
- 6 Đặng Nghiêm Vạn, “Bàn về tôn giáo, trong cuốn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam”, Sđd: 14-15.
- 7 *C. Mác, Ph. Ăngghen Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994: 20, 437.
- 8 Nguyễn Đức Sự (chủ biên) (1999), *C. Mác, Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 44.
- 9 *C. Mác, Ph. Ăngghen Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995: 569.
- 10 *C. Mác, Ph. Ăngghen Toàn tập*, tập 1, Sđd: 570.
- 11 Phạm Như Cương, “Bàn về thái độ và phương pháp nghiên cứu các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh về tôn giáo”, Sđd: 70-71.
- 12 V. I. Lênin, “Thái độ của Đảng công nhân đối với tôn giáo”, trong *Về tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991: 59.
- 13 V. I. Lênin, “Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo”, trong *Về tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994: 51.

- 14 Thực ra phải là *Chính Thống giáo* mới đúng.
- 15 V. I. Lênin, *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo*, Sđd: 46.
- 16 Nguyễn Đức Sự (tuyển chọn và biên soạn), *Mác, Ăngghen, Lênin bàn về tôn giáo*, Sđd: 10-14.
- 17 Phạm Như Cương, “Mác - Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh về tôn giáo - Một số vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận và quan điểm”, trong Đỗ Quang Hưng (chủ biên), *Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam Bộ*, Sđd: 73-74.
- 18 Phạm Như Cương, “Mác - Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh về tôn giáo - Một số vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận và quan điểm”, Sđd: 74-77.
- 19 GS. TS. Đỗ Quang Hưng (2008), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam, Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội: 101-110.
- 20 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1996), *Hồ Chí Minh với vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 21.
- 21 Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh: 79.
- 22 GS. Đặng Nghiêm Vạn (1998), “Lời tựa của lần xuất bản thứ nhất”, trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 11, 22.
- 23 Đoạn văn như sau: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử Châu Âu mà Châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”... “Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, cũng có nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô Viết đảm nhiệm. [Tài liệu “*Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ*” (Mátxcova, 1924, Hồ Chí Minh, Toàn tập, T.1, Xuất bản lần thứ 2, 1995, tr. 465).
- 24 Phạm Như Cương, “Bàn về thái độ và phương pháp khi nghiên cứu các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh về tôn giáo”, Sđd: 75-102.
- 25 Linh mục Nguyễn Huy Lịch, “Cảm nghĩ về Công giáo sau chuyến thăm Hà Nội,” *Đứng dậy*, số 82, 4/4/1976.
- 26 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1996), *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 24.
- 27 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd: 108.
- 28 *Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc - Danh nhân văn hóa* (1990), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 304.
- 29 GS.TS. Đỗ Quang Hưng, *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Sđd: 111-146.
- 30 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd: 23-99.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (1988), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (1988), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. GS. Đặng Nghiêm Vạn (2005), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* (Sách tham khảo), Tái bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị Quốc gia.

4. PGS. Nguyễn Đức Sự (Tuyển chọn và biên soạn) (2001), *Mác, Ăngghen, Lênin bàn về tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Đỗ Quang Hưng (chủ biên) (2001), *Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. GS. TS. Đỗ Quang Hưng (2008), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
7. PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên) (2014), *Tiếp tục đổi mới chính sách về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận cơ bản*, Nxb. Văn hóa thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
9. PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương (2015), *Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1998), *Hồ Chí Minh với vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.